

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2017

“V/v Ly hôn giữa chị D và anh C”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Minh D, sinh năm 1982.

HKTT: Đường 0, thôn Tr, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 0, khu phố 0, thị trấn Ng, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 0, thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị D, anh C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị Minh D trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 03 năm thì chị D và anh C mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh C sống không có trách nhiệm với gia đình, tính cách vợ chồng cũng không hòa hợp, bên cạnh đó anh C làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên phải vay mượn gia đình hai bên để trả nợ. Vì thương chồng thương con nên chị D cố gắng thu xếp ổn thỏa nợ nần do việc làm ăn thua lỗ của chồng để vợ chồng chung sống lo cho con chung. Tuy nhiên, khi chị D mang thai người con thứ hai được 07 tháng thì chị phát hiện anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn quan tâm tới vợ con. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên tình cảm dần dần rạn nứt. Đến khoảng tháng 02-2014, khi sinh con được 03 tháng thì chị D có làm đơn ly hôn với anh C nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Sau khi vợ chồng quay về chung sống thì anh C vẫn không sửa đổi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Qua thời gian chị D nhận thấy hôn nhân giữa chị D và anh C không còn ý nghĩa nên từ tháng 8-2016 vợ chồng ly thân. Trong thời gian này hai người con chung do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Đến khoảng cuối tháng 3-2017, anh C tìm đến nhà trọ nơi chị D và các con chung đang sống và dẫn theo 02 người con chung là Nguyễn Lê Quốc M, sinh ngày 09-9-2011 và Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 09-9-2013 về nhà cha mẹ của anh C ở xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để sinh sống. Sau một thời gian thì anh C đã đưa cháu H về sống với chị D cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm vì chị D xét thấy tình cảm không còn. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị D xin được ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Chị D và anh C có 02 người con chung là Nguyễn Lê Quốc M, sinh ngày 09-9-2011 và Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 09-9-2013. Trước đây, nguyện vọng của chị D xin được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung nhưng hiện nay cháu M đang sống ổn định với anh C nên chị D xin được quyền nuôi dưỡng cháu H; Chị D và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Quốc M, sinh ngày 09-9-2011 cho anh C được quyền nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 09-9-2013 cho chị D được quyền nuôi dưỡng; Chị D và anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D và anh C sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị D yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh C là xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh C trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 10 năm 2010 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị D trình bày do anh C sống không có trách nhiệm với gia đình, tính cách vợ chồng không hòa hợp, ngoài ra anh C còn làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau từ đó tình cảm vợ chồng cũng dần rạn nứt. Từ tháng 8-2016 thì anh C và chị D ly thân. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị D, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh C để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng anh C vẫn không đến. Tòa án đã xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1951 là Mẹ ruột của anh C cho biết mâu thuẫn giữa anh C và chị D xuất phát từ vấn đề tài chính trong gia đình nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hiện anh C và chị D cũng đã ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh C.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh C có 02 người con chung là Nguyễn Lê Quốc M, sinh ngày 09-9-2011 và Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 09-9-2013. Xét thấy, trong thời gian anh C và chị D ly thân thì cháu H sống chung với chị D còn cháu M do anh C nuôi dưỡng và hiện cuộc sống của các cháu đã ổn định nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng;

Giao cháu M cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C và chị D không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về chia tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Minh D và anh Nguyễn Quốc C.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Lê Quốc M, sinh ngày 09-9-2011 cho anh Nguyễn Quốc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Lê Gia H, sinh ngày 09-9-2013 cho chị Lê Thị Minh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị Minh D và anh Nguyễn Quốc C không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Minh D và anh Nguyễn Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Lê Thị Minh D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0006411 ngày 10 tháng 4 năm 2017; Chị Lê Thị Minh D đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa